

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2026/DS-ST

Ngày: 07-7-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Đạo Phú Quý;

2. Ông Nguyễn Văn Hồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại Cơ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1549/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 332/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S** (tên cũ là **Ngân hàng TMCP S1**, viết tắt là **S2**).

Địa chỉ trụ sở: **2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Lã Ngọc M**; sinh năm 1970; CCCD số 037070008489.

Địa chỉ: **Tầng A, 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.** (Giấy uỷ quyền số 2587/2025/UQ-TGD ngày 21/4/2025) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn P**; sinh năm 1999; CCCD số 049099000056 – Vắng mặt.

Địa chỉ: **3 ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn **S2** trình bày:*

Ngày 09/08/2022, ông **Nguyễn Tấn P** có ký với **S2** Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S2**. Căn cứ thu nhập của ông **P**, **S2** đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ MC Contactless Cre

Gold 3344038520 và thẻ S2 3941336970 với hạn mức sử dụng chung là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.482.551 đồng (thẻ MC Contactless Cre Gold 3344038520 là 4.482.551 đồng, thẻ S2 3941336970 là 27.000.000 đồng). Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho S2 tổng số tiền 4.554.000 đồng (thẻ MC Contactless Cre Gold 3344038520 là 1.575.000 đồng, thẻ S2 3941336970 là 2.979.000 đồng) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P (cụ thể: thẻ MC Contactless Cre Gold 3344038520 ngày 11/03/2023, thẻ S2 3941336970 ngày 26/02/2023) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 30.620.599 đồng sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho S2, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của S2, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả ngay cho S2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2026 là 61.004.612 đồng, trong đó: nợ gốc là 30.620.599 đồng, lãi quá hạn là 30.384.013 đồng. Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng ông Nguyễn Tấn P liên tục vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được bất kỳ văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

S2 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn P phải trả tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thì “Hiện tại địa chỉ 368/20/8/7 ấp A không có người tên Nguyễn Tấn P, SN: 1999 cư trú tại đây”. Tại thời

điểm ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/08/2022 ông **P** đã xác định địa chỉ của mình là 368/20/8/7 **ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. **S2** không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc ông **P** thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký mà không thông báo cho **S2** biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 368/20/8/7 **ấp A, xã Đ, Thành Phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ điểm a khoản Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

#### [1.2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng đều vắng mặt. Điều này thể hiện bị đơn không hợp tác với Tòa án, làm cho vụ án bị kéo dài, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền được trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về chứng cứ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

#### [3] Về nội dung tranh chấp:

Đối với yêu cầu trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/08/2022 giữa **S2** với ông **Nguyễn Tấn P**:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/08/2022; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S2** thì ông **P** đã được **S2** cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ MC Contactless Cre Gold 3344038520 và thẻ **S2** 3941336970 với hạn mức sử dụng chung là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

**S2** là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Ông **P** và **S2** giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117,

118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Trong quá trình sử dụng thẻ, do ông **P** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên **S2** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (cụ thể: thẻ MC Contactless Cre Gold 3344038520 ngày 11/03/2023, thẻ **S2** 3941336970 ngày 26/02/2023) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn thành tiền gốc là 30.620.599 đồng theo Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S2**.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy việc thỏa thuận lãi đối với thẻ MC **Contactless Cre G** 3344038520 là 2.77%/tháng, thẻ **S2** 3941336970 là 1.55%/tháng và lãi quá hạn là 150% lãi theo Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2026 là 62.568.992 đồng, bao gồm nợ gốc 3.851.599 đồng, lãi quá hạn là 6.472.305 đồng của **M1**; nợ gốc 26.769.000 đồng, lãi quá hạn là 25.476.088 đồng của thẻ **S2** 3941336970.

Ngoài ra, phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký giữa các bên.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 463, 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14, Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Điều 5 Thông tư số 03/2020/VBHN- NHNN ngày 17/01/2020;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**.

Buộc ông **Nguyễn Tấn P** phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, số tiền còn nợ cho **Ngân hàng TMCP S** theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 09/08/2022 tạm tính đến ngày 07/7/2026 là 62.568.992 đồng, bao gồm nợ gốc 3.851.599 đồng, lãi quá hạn là 6.472.305 đồng của **M1**; nợ gốc 26.769.000 đồng, lãi quá hạn là 25.476.088 đồng của thẻ **S2** 3941336970.

Kể từ ngày 08/7/2026 ông **Nguyễn Tấn P** phải tiếp tục thanh toán lãi cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định Hợp đồng vay vốn đã ký giữa các bên.

Trường hợp trong hợp đồng vay vốn, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 3.128.450 đồng do ông **Nguyễn Tấn P** chịu.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí là 1.268.948 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000025 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Hà**

